

HyperX Predator PCIe SSD

hyperxgaming.com

Hiệu năng cực đỉnh dành cho những người dùng đáng gờm.

SSD HyperX® Predator PCIe có các mức dung lượng lớn và tốc độ phi thường cho cả dữ liệu nén và không nén, đưa hệ thống của bạn vượt trội. Nhanh hơn các ổ cứng SSD SATA, ổ Predator được trang bị bộ vi xử lý Marvell và có tốc độ lên tới 1400MB/giây đọc và 1000MB/giây ghi để thực hiện đa tác vụ siêu nhạy, đưa tốc độ của toàn hệ thống lên cao, ổ cứng hiện có các mức dung lượng 240GB–960GB. Bộ nhớ có giao diện PCIe Gen 2.0 x4 mang lại hiệu năng cao và thiết kế M.2 nhỏ gọn, phù hợp với thế hệ tiếp theo của máy tính để bàn có khe cắm M.2 PCIe. Bộ điều hợp HPHL tương thích với giá đỡ tiêu chuẩn và cấu hình thấp để phù hợp với kích thước nhỏ gọn của máy tính để bàn. SSD HyperX Predator PCIe có hiệu năng cực đỉnh để phù hợp với bộ nhớ HyperX hiệu suất cao, giúp duy trì uy tín của thương hiệu khiến bạn luôn dẫn đầu trong các trận game.

- > Tốc độ hiệu năng cao nhất với các mức dung lượng cực lớn
- > Giao diện PCIe với nhiều kích cỡ khác nhau
- > Giải pháp đồng bộ dành cho bộ nhớ hiệu năng ưu việt và cấu phần SSD



Lật trang để xem thông tin kỹ thuật >>

HYPERX®

HyperX Predator PCIe SSD

ĐẶC TÍNH/TIỆN ÍCH

- > **SSD HyperX nhanh nhất** — Chip điều khiển của Marvell mang lại tốc độ tuần tự và ngẫu nhiên phi thường, khiến Predator PCIe trở thành HyperX SSD nhanh nhất.
- > **Có nhiều mức dung lượng** — Để phù hợp nhất cho nhu cầu của bạn, SSD HyperX Predator PCIe có nhiều mức dung lượng lên tới 960GB và có thể hoạt động làm một ổ khởi động hoặc thay thế ổ cứng thực sự.
- > **Hỗ trợ PCIe** — SSD HyperX Predator PCIe mang lại tốc độ PCIe Gen 2.0 x4 siêu tốc, nhanh hơn nhiều các ổ SSD SATA.
- > **Lý tưởng cho các hệ thống máy tính để bàn** — Ổ SSD hiện có kích thước M.2 kèm bộ chuyển đổi HHHL tùy chọn. Chọn một cấu hình phù hợp nhất cho nhu cầu của bạn.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- > **Kích cỡ** M.2 2280
- > **Giao diện** PCIe Gen 2.0 x4
- > **Các mức dung lượng¹** 240GB, 480GB, 960GB
- > **NAND** MLC
- > **Bộ vi xử lý** Marvell 88SS9293
- > **Hiệu năng chuẩn²**
 - Truyền dữ liệu nén (ATTO)**
 - 240GB — 1.400MB/giây đọc và 600MB/giây ghi
 - 480GB — 1.400MB/giây đọc và 1.000MB/giây ghi
 - 960GB — 1.350MB/giây đọc và 1.000MB/giây ghi
 - Truyền dữ liệu không nén (AS-SSD và CrystalDiskMark)**
 - 240GB — 1.290MB/giây đọc và 600MB/giây ghi
 - 480GB — 1.100MB/giây đọc và 910MB/giây ghi
 - 960GB — 1.300MB/giây đọc và 1.000MB/giây ghi
 - IOMETER Đọc/Ghi 4k ngẫu nhiên tối đa**
 - 240GB — tối đa 160.000/ tối đa 119.000 IOPS
 - 480GB — tối đa 130.000/ tối đa 118.000 IOPS
 - 960GB — tối đa 160.000/ tối đa 126.000 IOPS
 - Đọc/Ghi 4k ngẫu nhiên**
 - 240GB — tối đa 120.000/ tối đa 78.000 IOPS
 - 480GB — up to 117,000/ up to 70,000 IOPS
 - 960GB — tối đa 111.000/ tối đa 72.000 IOPS
 - Điểm PCMARK® Vantage HDD Suite**
 - 240GB — 138.000
 - 480GB — 139.000
 - 960GB — 130.000
 - Bảng thông lưu trữ PCMARK® 8**
 - 240GB — 331MB/giây
 - 480GB — 336MB/giây
 - 960GB — 414MB/giây
 - Điểm lưu trữ PCMARK® 8**
 - 240GB — 5.015
 - 480GB — 5.017
 - 960GB — 5.045
 - Tổng điểm Anvil (Khối lượng công việc không nén)**
 - 240GB — 6.500
 - 480GB — 6.700
 - 960GB — 6.800
- > **Mức tiêu thụ điện năng** 1,38W Ngủ / 1,4W Trung bình / 1,99W (Tối đa) Đọc/ 8,25W (Tối đa) Ghi
- > **Nhiệt độ bảo quản** -40°C~85°C
- > **Nhiệt độ vận hành** 0°C~70°C
- > **Kích thước** 80mm x 22mm x 3.5mm (M.2)
 - 180,98mm x 120,96mm x 21,59mm (kèm bộ chuyển đổi HHHL — giá đỡ tiêu chuẩn)
 - 181,29mm x 80,14mm x 23,40mm (kèm bộ chuyển đổi HHHL — giá đỡ loại thấp)
- > **Trọng lượng** 10g (M.2)
 - 73g (kèm bộ chuyển đổi HHHL — giá đỡ tiêu chuẩn)
 - 68g (kèm bộ chuyển đổi HHHL — giá đỡ loại thấp)
- > **Độ rung khi hoạt động** 2,17G Tối đa (7~800Hz)
- > **Độ rung khi không hoạt động** 20G Tối đa (10~2000Hz)
- > **Tuổi thọ dự kiến** 1 triệu giờ MTBF
- > **Bảo hành/hỗ trợ** bảo hành ba năm, hỗ trợ kỹ thuật miễn phí
- > **Tổng số byte được ghi (TBW)³**
 - 240GB — 415TB 1.6 DWPD⁴
 - 480GB — 882TB 1.7 DWPD⁴
 - 960GB — 1600TB 1.8 DWPD⁴



MÃ SẢN PHẨM

- SHPM2280P2/240G
- SHPM2280P2/480G
- SHPM2280P2/960G
- SHPM2280P2H/240G (kèm bộ chuyển đổi HHHL)
- SHPM2280P2H/480G (kèm bộ chuyển đổi HHHL)
- SHPM2280P2H/960G (kèm bộ chuyển đổi HHHL)

CÁC PHỤ KIỆN BÊN TRONG GÓI SẢN PHẨM

- Chỉ M.2
- Ổ cứng có phần mềm giống nhau – phiếu tải xuống⁵
- M.2 kèm bộ chuyển đổi HHHL
- Giá đỡ tiêu chuẩn & loại thấp
- Ổ cứng có phần mềm giống nhau – phiếu tải xuống⁵

SSD này được thiết kế cho công việc xử lý trên máy tính để bàn và máy tính xách tay, không dùng cho các môi trường máy chủ.

1 Một phần dung lượng được liệt kê của thiết bị lưu trữ Flash được dành cho việc định dạng và các chức năng khác và vì thế không dành cho việc lưu trữ dữ liệu. Do đó, dung lượng thực của thiết bị luôn nhỏ hơn mức công bố trên sản phẩm. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập Hướng dẫn về bộ nhớ Flash của Kingston tại kingston.com/flashguide.

2 Dựa trên "hiệu năng vừa khui hộp" sử dụng bo mạch chủ PCIe 3.0/2.0. Tốc độ có thể thay đổi phụ thuộc vào phần cứng của máy, phần mềm và cách sử dụng. IOMETER Random Đọc/Ghi 4k ngẫu nhiên dựa trên phần vùng 8GB.

3 Tổng số byte được ghi (TBW) được suy ra từ Khối lượng công việc máy khách JEDEC (JESD219A).

4 Ổ đĩa ghi mỗi ngày (DWPD)



HyperX là một bộ phận thuộc Kingston.

TÀI LIỆU NÀY CÓ THỂ THAY ĐỔI MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO.

©2016 Kingston Technology Far East Co. Ltd (Asia Headquarters) No. 1-5, Li-Hsin Rd. 1, Science Park, Hsin Chu, Taiwan, R.O.C. Mọi quyền được bảo lưu. Các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký và các nhãn hiệu thương mại là tài sản của các chủ sở hữu tương ứng. MKD-303.1VN

